

Văn Miếu – Quốc Tử Giám, ngày 08 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám về việc tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc UBND phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám;

Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt báo cáo công khai các nội dung năm học 2024-2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt.

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 104 phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội.

- Số điện thoại: 02432373893.

- Thư điện tử: c1lythuongkiet-dd@hanoiedu.vn

- Trang thông tin điện tử: <https://tieuhoclythuongkiet.mgd.edu.vn>

- Fanpage: <https://www.facebook.com/tieuhoclythuongkietddhn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

Công lập

Tên cơ quan chủ quản:

Ủy ban nhân dân phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Sứ mạng: Phát huy vai trò của trường chuẩn quốc gia. Đẩy mạnh giáo dục toàn diện đạt chất lượng cao hơn mỗi năm về thành tích của học sinh và giáo viên. Xây dựng trường học hạnh phúc.

Tầm nhìn: Phân đấu giữ vững cơ sở vật chất của nhà trường khang trang, hiện đại, đáp ứng các điều kiện dạy và học trong giai đoạn mới, nâng cao vị thế của nhà trường. Giáo viên, học sinh luôn tự tin, năng động. Phân đấu giữ vững

trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, xây dựng các điều kiện trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2.

Mục tiêu: Giữ vững mục tiêu trường đạt chuẩn quốc gia, có uy tín về chất lượng giáo dục, là địa chỉ tin cậy đối với phụ huynh và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt được thành lập từ đầu thế kỉ XX (năm 1916) với tên trường là L'ecote primaire Rière – Pasquir, nhân dân địa phương quen gọi là trường Sinh Từ (Hiệu trưởng là người Pháp). Năm 1954 tiếp quản thủ đô Hà Nội, cụ Hồ là Hiệu trưởng đầu tiên của nền giáo dục Việt Nam dân chủ cộng hòa. Năm 1959, trường được đổi tên là Trường Lý Thường Kiệt do cụ Phạm Đắc là Hiệu trưởng. Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt được thành lập từ năm 1959 với tên gọi PTCS cấp 1+2 Lý Thường Kiệt. Năm 1996, trường được tách ra từ trường PTCS cấp 1+2 Lý Thường Kiệt và đổi tên thành trường Tiểu học Lý Thường Kiệt. Trường đạt chuẩn Quốc gia năm 2010, đã được công nhận lại năm 2017, công nhận lại lần thứ 3 vào năm 2022. Trường có đội ngũ giáo viên ổn định, chất lượng dạy và học được duy trì, ngày càng phát triển tạo được uy tín với chính quyền, với phụ huynh và học sinh trong phường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Lê Thị Thu Chung
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 02432373893; 0912911693
- Địa chỉ thư điện tử: lethithuchung1974@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường: Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám về việc tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc UBND phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 về kiện toàn Hội đồng trường trường Tiểu học Lý Thường Kiệt nhiệm kì 2021-2026.

c. Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng: Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Tiểu học Lý Thường Kiệt.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Thực hiện theo Điều 2, Điều 3 Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT về Điều lệ trường Tiểu học.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển nhà trường; Quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của Hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, tài sản, nhân sự, tài chính; kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, kế hoạch và thông báo tuyển dụng và các quy định, quy chế nội bộ khác được công khai đầy đủ, đúng quy định.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

* Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

TT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ chuyên môn					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Biên chế	Hợp đồng	ThS	ĐH	CĐ	TC	Khác	II	III	IV
	Tổng số CB-GV-NV	48	39	9	2	35	1	4	7	16	19	4
I	Giáo viên	35	34	1	2	32	1	1		14	18	2
1	Giáo viên cơ bản	25	25	0	1	24	1			11	14	1
2	Giáo viên bộ môn Trong đó	9	8	1	1	7		1		3	4	1
2.1	Mĩ thuật	2	2		1	1				1	1	
2.2	Thể dục	2	2			1		1			1	1
2.3	Âm nhạc	2	2			2				1	1	
2.4	Tiếng Anh	2	1	1		2					1	
2.5	Tin học	1	1			1				1		
3	Tổng phụ trách	1	1			1						1
II	Cán bộ quản lý	2	2			2				2		
1	Hiệu trưởng	1	1			1				1		
2	Phó hiệu trưởng	1	1			1				1		
III	Nhân viên	11	3	8		1		3	7		1	2
1	NV Kế toán	1	1			1					1	
2	NV Thư viện	1	1					1				1
3	NV Y tế	1	1					1				1
4	NV văn thư	1		1				1				
5	NV Đồ dùng	K										
6	NV Bảo vệ	4		4					4			
7	NV Lao công	3		3					3			

* Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- Cán bộ quản lý: 02, đạt chuẩn 100%.
- Giáo viên 35, đạt chuẩn 94,6%; chưa chuẩn: 5,4%.

* Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

- Cán bộ quản lý: 02, đạt bồi dưỡng 100%.
- Giáo viên 35, đạt bồi dưỡng 100%; nhân viên: 4, đạt bồi dưỡng 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

MIÊU -
TRẠ
TIÊU
LY THƯ
N

1. Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân			
I	Số phòng học/số lớp	24/24	6,8 m ² /học sinh			
II	Loại phòng học					
1	Phòng học kiên cố	24				
III	Số điểm trường	1				
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	4250				
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1800				
VI	Tổng diện tích các phòng					
1	Diện tích phòng học (m ²)	1300				
2	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)					
3	Diện tích thư viện (m ²)	83				
4	DT nhà đa năng (Phòng GD rèn luyện thể chất) (m ²)	278				
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)					
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)					
1	Khối lớp 1	20				
2	Khối lớp 2	30				
3	Khối lớp 3	30				
4	Khối lớp 4	20				
5	Khối lớp 5	25				
VIII	Tổng số máy vi tính đang được SD phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)					
IX	Tổng số thiết bị					
1	Ti vi	25				
3	Đầu Video/đầu đĩa	25				
4	Máy projector	28				
6	Máy tính/máy in	39				
X	Nhà bếp	1				
XI	Nhà ăn					
XII	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0.4m ²

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Không				
				Có	Không	
XIII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			X		
XIV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)			X		
XV	Kết nối internet (ADSL)			X		
XVI	Trang thông tin điện tử (website) của trường			X		
XVII	Tường rào xây			X		

2. Danh mục sách giáo khoa nhà trường sử dụng

- Bộ sách giáo khoa theo chương trình GDPT 2018 từ lớp 1 đến lớp 5:
- + Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.
- + Sách giáo khoa Tiếng Anh 3, 4, 5: Bộ sách Wonderful World.
- + Sách giáo khoa Tin học: Bộ sách Rô-bốt thông minh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Trường đạt Kiểm định chất lượng: Mức 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

- Trường đạt Kiểm định chất lượng: Mức 2 và đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

a. Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025: Tổng số học sinh: 123/4 lớp.

* Tổng số học sinh năm học 2024-2025:

Lớp	Số lớp	Số HS	Bình quân	2b/ngày	Nữ	Dân tộc	Chuyển đến	Chuyển đi	KT
1	4	121	30,2	121	61	0	04	08	0
2	5	152	30,4	152	76	4	05	08	0
3	5	149	29,8	149	76	2	03	07	1
4	5	186	37,2	186	92	3	05	08	0
5	5	184	36,8	184	97	2	02	04	1
Tổng	24	792	33	792	392	11	19	35	2

ƯU
NG
HỌC
NG KIẾ
10*

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh năm học 2024-2025:

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	792	121	152	149	186	184
II	Kết quả năm học						
1	Lên lớp thẳng	792	121	152	149	186	184
	Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2	Hoàn thành chương trình lớp học	792	121	152	149	186	184
	Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Ở lại lớp	0	0	0	0	0	0
	Tỷ lệ	0	0	0	0	0	0
3	Khen thưởng						
	Cuối năm	326	60	69	60	65	72
	Đột xuất	164	42	25	32	33	32
	Cấp trên	55	9	10	15	01	20
4	Hoàn thành chương trình tiểu học						184
	Tỷ lệ						100%

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài): Không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Các khoản thu	Dư đầu kì	Số thu
Tổng thu năm 2024	362,481,318	12,445,786,250
Tiền ngân sách		8,187,962,000
Học 2 buổi/ngày	36,138,332	428,150,000
Chăm sóc bán trú	12,656,915	1,295,875,000
Củng cố văn hoá		379,440,000
CSVC bán trú	242,973,803	94,726,000

CLB năng khiếu	13,250,983	452,610,000
Tiền % BH học sinh	1,822,260	-
TA DYNED+ B MINH 20%	15,166,739	341,830,000
CLB trông giữ trẻ(hè)	32,128,662	731,772,000
Thu hoạt động khác	1,913,507	-
% Kỹ Năng sống	6,430,117	533,421,250

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Tổng chi năm 2024	12,456,845,178
Tiền ngân sách	8,187,962,000
Học 2 buổi/ngày	464,288,332
Chăm sóc bán trú	1,250,434,600
Củng cố văn hoá	355,727,200
CSVC bán trú	147,461,657
CLB năng khiếu	445,077,803
Tiền % BH học sinh	1,822,260
TA DYNED+ B MINH 20%	331,979,050
CLB trông giữ trẻ(hè)	748,578,614
Thu hoạt động khác	1,913,507
% Kỹ Năng sống	521,600,155

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

- Nhà trường không thu học phí.
- Miễn tiền ăn bán trú (đơn vị liên kết suất ăn tài trợ), miễn tiền chăm sóc bán trú cho 05 học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Tiếng Anh hỗ trợ, tăng cường theo chế độ miễn giảm của đơn vị đối tác.
- Tặng quà cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dịp tết trung thu, Tết Nguyên đán và tổng kết năng học.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

Trích lập các quỹ năm 2024	219.106.116
Quỹ PTHĐSN hình thành TSCĐ	0

Quỹ bổ sung thu nhập	100.000.000
Quỹ phúc lợi	88.906.504
Quỹ phát triển HDSN	30.199.612

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người; thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của Ngành phù hợp điều kiện của đơn vị.

- Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; coi trọng công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền, công tác chuyển đổi số; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

* Các danh hiệu nhà trường đã đạt được năm học 2024-2025:

- Chi bộ xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Tập thể Lao động xuất sắc.
- Công đoàn xuất sắc cấp Quận.
- Liên đội Xuất sắc cấp Quận.
- Trường Tiên tiến về TDTT cấp Quận.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu Chung